

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Triệu Vĩnh Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đàm Sông Hương

2. Ông Hoàng Văn Thứ.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lữ Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Nông Thị Mới- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2022 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lục Thị T, sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh L - Có mặt.

**Bị đơn:** Anh Sầm Văn T, sinh năm 1980 - Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh L - Có mặt.

**Những người làm chứng:**

- Ông Lữ Văn N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt.

- Ông Sầm Văn S - Sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Lục Thị T trình bày:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lục Thị T và anh Sầm Văn T tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, đến ngày 21/5/2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại thôn N, xã V. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Mặc dù chị T đã khuyên bảo và tha thứ rất nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi

chửi, xúc phạm nhau. Khoảng năm 2020 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị đã tự ý bỏ nhà đi làm ăn nơi khác, thỉnh thoảng có về thăm con một vài ngày rồi đi luôn, từ đó hai vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế. Nay Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sầm Văn T để ổn định cuộc sống.

**Về con:** Trong thời gian chung sống vợ chồng không ai có con riêng, anh chị có 02 con chung. Cháu thứ nhất tên là Sầm Thị Hồng G, sinh ngày 26/3/2011; cháu thứ hai là Sầm Thị Ngân H, sinh ngày 14/6/2013. Hiện nay các cháu ở cùng anh Sầm Văn T. Tại đơn khởi kiện chị đề nghị được nuôi cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị thay đổi yêu cầu về con là để anh T tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị sẽ cấp dưỡng nuôi cả hai cháu, mỗi cháu 500.000đ một tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

**Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản:** Vợ chồng chưa có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

## **2. Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Sầm Văn T trình bày:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh T cũng thống nhất về thời gian chung sống, thời gian vợ chồng đăng ký kết hôn như chị Lục Thị T trình bày là đúng nhưng theo anh nguyên nhân chị T xin ly hôn anh một phần có lỗi ở anh là có một khoảng thời gian anh có chơi bời, không tu chí làm ăn, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nhưng anh đã thay đổi ngay để cùng chị hướng xây dựng gia đình chăm lo vợ con. Từ đó anh đã cố gắng thay đổi bản thân, nhưng từ năm 2018 chị T đi làm công nhân ở tỉnh B vợ chồng không gần gũi nhau thường xuyên dẫn đến mỗi lần chị T được nghỉ về thăm gia đình vợ chồng hiểu lầm nhau sinh ra cãi vã nhau nhưng không đến mức trầm trọng. Đến năm 2020 chị T tiếp tục đi làm ăn nơi xa, anh bắt đầu cảm thấy chị thay đổi tình cảm rõ rệt không còn chú ý quan tâm đến chồng, con nữa. Mỗi lần được nghỉ về nhà chỉ thoáng qua thăm con rồi đi ngay, tự ý ly thân không gần gũi, tình cảm với anh từ đó cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chị T xin ly hôn anh không nhất trí mà đề nghị được đoàn tụ để cùng nhau xây dựng gia đình nuôi dạy con cái.

**Về con:** Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung, từ năm 2018 đến nay chị T đi làm xa nhà, các con đều do anh chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T hàng tháng có gửi tiền về để cùng anh nuôi con. Nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai cháu không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản:** Vợ chồng chưa có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

### **Tại phiên Tòa:**

- Nguyên đơn chị Lục Thị T giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Sầm Văn T và giao nuôi con theo đề nghị của chị và nguyện vọng của các con.

- Bị đơn anh Sầm Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

\* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật tố tụng Dân sự.

\* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lục Thị T được ly hôn với anh Sầm Văn T.

- Về con chung: Giao các cháu Sầm Thị Hồng G, sinh ngày 26/3/2011 và cháu Sầm Thị Ngân H, sinh ngày 14/6/2013 cho anh Sầm Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xác nhận sự tự nguyện của chị Lục Thị T cấp dưỡng tiền nuôi cháu G và cháu H mỗi tháng mỗi cháu là 500.000đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Lục Thị T phải chịu án phí vụ án theo quy định của Pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

#### **[1] Về Tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Lục Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Sầm Văn T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Lục Thị T và anh Sầm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh L như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị lục Thị T và anh Sầm Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của các đương sự, người làm chứng, kết quả xác minh tại Thôn N và Ủy ban nhân dân xã V có đủ căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chị T, anh T chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T đi làm ăn xa dẫn đến vợ chồng không thường xuyên gần gũi nhau nên có sự hiểu lầm làm cho nhiều lần vợ chồng cãi, chửi xúc phạm nhau. Trầm trọng nhất bắt đầu từ năm 2020, chị T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng được nghỉ có về nhà thăm con nhưng chỉ thăm thoáng qua rồi đi luôn. Chị

T tự ly thân không gần gũi với anh T từ đó cho đến nay. Chị T cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn và chăm lo gia đình, chị đã nhiều lần khuyên dẫn nhưng anh T không thay đổi. Anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do từ năm 2020 chị T đi làm ăn xa, thay đổi tính tình, tự xa cách tình cảm không quan tâm gì đến anh T nữa và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Như vậy có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị Lục Thị T, anh Sầm Văn T trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, từ năm 2020 hai vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau, không có sự trao đổi trong cuộc sống gia đình, sống ly thân với nhau. Hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đến nay anh T vẫn mong muốn đoàn tụ với chị T để cùng nuôi dạy con cái, nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh tình cảm vợ chồng vẫn còn, cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lục Thị T về việc ly hôn anh Sầm Văn T.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh T có 02 con chung là cháu Sầm Thị Hồng G, sinh ngày 26/3/2011 và cháu Sầm Thị Ngân H, sinh ngày 14/6/2013. Từ năm 2018 đến nay, chị T thường đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà thăm các con. Các cháu G, Hà do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tháng chị T có gửi tiền về hỗ trợ anh T nuôi các con. Anh T là lao động tự do tại địa phương thu nhập khoảng 40.060.000đ một năm. Chị T là lao động tự do, ngoài ra khi nông nhàn đi làm thuê thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000đ. Khi ly hôn anh T nhận nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ nguyện vọng của cháu Sầm Thị Hồng G và cháu Sầm Thị Ngân H khi bố mẹ ly hôn và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, cũng như sự ổn định cuộc sống và phát triển tâm sinh lý của con. Cần giao cháu Sầm Thị Hồng G và cháu Sầm Thị Ngân H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T tự nguyện cấp dưỡng cả hai cháu mỗi tháng mỗi cháu là 500.000đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đây là nguyện vọng chính đáng của chị T và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các con nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lục Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lục Thị T, xử: Chị Lục Thị T được ly hôn với anh Sầm Văn T.

2/ Về con chung: Anh Sầm Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sầm Thị Hồng G, sinh ngày 26/3/2011 và cháu Sầm Thị Ngân H, sinh ngày 14/6/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Lục Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Sầm Thị Hồng G và cháu Sầm Thị Ngân H mỗi tháng mỗi cháu là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí: Chị Lục Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai ký hiệu AC-21P số 0004314 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Lục Thị T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, KT, TP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Vĩnh Thái**